

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Đức

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

T2 ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm xxxx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G, tỉnh Tiền Giang (viết tắt là: Agribank G). (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn TH, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn ngày 14/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh K chung sống vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL (nay là thị trấn VL), huyện G. Vợ chồng chị chung sống

hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ sau mỗi chuyến đi biển về, cho rằng chị ngoại tình nên chửi mắng và đánh đập chị nên chị yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh K chung sống có 03 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày xx/x/xxxx; Trần Thị Anh T2, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Quốc T3, sinh ngày xx/x/xxxx. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T3, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Quốc T1 và Trần Thị Anh T2 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị có nhà đất tọa lạc tại khu phố M, thị trấn VL, huyện G do anh K đứng tên. Chị không yêu cầu Tòa án phân chia mà để vợ chồng chị tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Hiện vợ chồng chị còn nợ Agribank G do anh K đứng tên vay và có thế chấp quyền sử dụng đất, khoảng 03 năm sau là đến hạn trả nợ. Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận: Anh K nhận trả khoản nợ này; còn chị đi làm nuôi con, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn K không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

\* *Theo văn bản ngày 03/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G trình bày:*

Anh K hiện có quan hệ tín dụng tại Agribank G. Tài sản thế chấp có liên quan đến vụ án là 506m<sup>2</sup> loại đất trồng lúa thuộc thửa đất số 2157, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khu phố M, thị trấn VL, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00887 do UBND huyện G cấp ngày 02/02/2012 cho anh K. Hiện anh K trả nợ vay đúng hạn nên ngân hàng không tham gia tố tụng trong vụ án này và cũng xin vắng mặt tại Tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn K. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Quốc T3, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Đối với 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày xx/x/xxxx và Trần Thị Anh T2, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đã trưởng thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Agribank G xin vắng mặt, bị đơn anh K vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, nhận thấy:

- Vợ chồng chị tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL nay là thị trấn VL theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 14/3/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Quá trình chung sống: Chị T xác định vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ sau mỗi chuyến đi biển về, cho rằng chị ngoại tình nên chửi mắng và đánh đập chị. Hiện anh chị đã không còn chung sống, không còn quan T đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh K nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh K tự từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như chị T đã nêu; đồng thời, điều này còn cho thấy anh không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh K là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh K chung sống có 03 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày xx/x/xxxx; Trần Thị Anh T2, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Quốc T3, sinh ngày xx/x/xxxx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T3 của chị T là có cơ sở chấp nhận vì anh K thường xuyên đi biển, ít khi ở nhà sẽ không đảm bảo thời gian quan tâm, chăm sóc cháu; hơn nữa anh K cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị. Do đó việc giao cháu T3 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Đối với 02 con chung tên Trần Quốc T1 và Trần Thị Anh T2 đã trưởng thành và anh chị không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Đối với khoản vay do anh K đứng tên vay của Agribank G thì ngân hàng xác định hiện anh K trả nợ vay đúng hạn nên ngân hàng không khởi kiện trong vụ án này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì ngân hàng được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc T. Chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Văn K.

#### **2. Về nuôi con chung:**

- Giao con chung tên Trần Quốc T3, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Đối với 02 con chung tên Trần Quốc T1, sinh ngày xx/x/xxxx và Trần Thị Anh T2, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đã trưởng thành.

**3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013758 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

#### **\* Nơi nhân:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND TT. VL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Nguyễn Bích Thiên**

